

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79

NHÂN DANH

/2020/DS-ST

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ngày: 06/05/2020

*V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Bền

2/Bà Phan Thị Quý

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLST-DS ngày 17/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H,** sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: C6/28 A ấp 3, xã QĐ, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Hồng C,** sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 462 tổ 15 ấp TH, xã TP, CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Do có mối quan hệ làm chung công ty, ông H có cho chị C mượn tiền của ông H 02 lần với tổng số tiền là 670.000.000 đồng, cụ thể như sau: vào ngày 10/3/2018 ông H cho chị C mượn 300.000.000 đồng. Vào ngày 10/7/2019 ông H cho chị C mượn 370.000.000 đồng. Cả hai lần mượn hai bên đều thỏa thuận khi nào ông H cần lấy tiền lại thì chị C sẽ trả lại 01 lần. Cả hai lần mượn đều có ghi biên nhận nợ và chị C ký tên. Tuy nhiên chị C chỉ hứa hẹn mà không thực hiện trả các khoản tiền đã mượn. Nên ông H khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền nợ 670.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa ông H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị C trả số tiền 370.000.000 đồng, thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2021.

* Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Hồng C có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị C thừa nhận chị có mượn ông H số tiền 670.000.000 đồng và có ký tên vào 02 giấy biên nhận nợ ngày 10/3/2018 và 10/7/2019, tuy nhiên đối với số nợ 300.000.000 đồng của biên nhận nợ ngày 10/3/2018 chị đã trả xong nhưng không lấy lại giấy biên nhận nợ và không làm giấy xác nhận đã trả xong tiền. Chị C cho rằng chỉ còn nợ ông H 370.000.000

đồng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, trả theo yêu cầu của nguyên đơn từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến 01/01/2021 chị C không có khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Hồng C cư trú tại ấp TH, xã TP, CT, Tiền Giang do đó căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về quan hệ tranh chấp: ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Hồng C trả số tiền nợ 670.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa ông H và chị C là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu: căn cứ vào các “Giấy mượn tiền” ngày 10/3/2018 và 10/7/2019, bản tự khai cũng như lời trình bày của đương sự tại buổi hòa giải và tại phiên tòa có cơ sở xác định: vào ngày 10/3/2018 chị C có mượn ông H số tiền là 300.000.000 đồng, khi nào ông H cần lấy lại thì trả một lần, tới ngày 10/07/2019 chị C mượn thêm ông H 370.000.000 đồng cũng thỏa thuận khi nào ông H cần thì trả lại và trả 01 lần, tổng cộng hai lần mượn 670.000.000 đồng, số tiền mượn này có làm hai giấy biên nhận mượn tiền do bị đơn ký tên. Ông H cho rằng từ khi mượn tiền cho tới nay chị C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, cho đến nay vẫn còn nợ số tiền 670.000.000 đồng, nên ông H khởi kiện yêu cầu phía bị đơn chị C trả số tiền 670.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa ông H xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị C trả số tiền là 370.000.000 đồng, thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2021. Chị C thì cho rằng đối với số tiền 300.000.000 đồng mượn ngày 10/3/2018 chị đã trả xong nhưng chị không có lấy lại giấy biên nhận nợ cũng không yêu cầu ông H làm giấy xác nhận đã trả xong tiền, tại phiên tòa chị cũng không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 300.000.000 đồng cho ông H, tuy nhiên ông H đã rút yêu cầu chị trả 300.000.000 đồng nên chị thống nhất, còn đối với số tiền còn lại 370.000.000 đồng chị xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả theo yêu cầu của ông H với thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2021 chị không có khả năng trả.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông H, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Đối với yêu cầu xin trả dần hàng tháng số tiền 370.000.000 đồng của chị C mỗi tháng 2.000.000 đồng thì ông H không đồng ý. Xét thấy ông H yêu cầu bị đơn trả số nợ 370.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc chị C có nghĩa vụ trả cho ông H 370.000.000 đồng, thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2021. Tại phiên tòa ông H tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu trả đối với số tiền 300.000.000 đồng mượn ngày 10/3/2018 do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả số tiền 300.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và được Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện còn lại nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 218, Điều 273 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: 1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H

Buộc bị đơn Nguyễn Hồng C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 370.000.000 đồng, thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2021.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Hoàn lại nguyên đơn ông H số tiền 15.400.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 01880 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành. Bị đơn chị C phải chịu 18.500.000 đồng phải chịu đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông H và chị C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường